TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 02 - 03 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Hồ Thị Thu Uyển;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/TLST- HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 16/02/2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh năm 1993 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: T5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1972 và con bà Mạ Thị C, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: Bị Công an huyện Đắk Song xử phạt vi phạm hành chính tại quyết định số 24/QĐ ngày 14/10/2021, hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản (đã nộp phạt vào ngày 14/10/2021).

Về nhân thân: Ngày 30/3/2011, bị TAND tỉnh Đắk Nông, xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Không tố giác tội phạm", theo Bản án số 28/2011/HSPT.

Ngày 25/6/2014, bị TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", theo Bản án số 19/2014/HSST (Đều đã được xóa án tích).

Ngày 05/4/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song khởi tố vụ án, bắt tạm giam về tội " Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 134 BLHS. Ngày 19/6/2018 VKSND huyện Đắk Song đình chỉ vụ án (Do bị hại rút yêu cầu khởi tố); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến nay - Có mặt.

Bị hại:

- Anh Voòng Vĩnh S – Vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn T – Có mặt.

Địa chỉ: T1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Voòng A U – Vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Tằng Cầu M – Vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Phạm Văn H – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B và anh Voòng Vĩnh S là bạn với nhau. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/9/2022 S chở B về nhà tại T2, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chơi, sau đó B hỏi mượn xe mô tô BKS 47H1- 351.xx đi công việc thì anh S đồng ý. B điều khiển xe ra huyện Đ để khám chân bị đau nhưng đến nơi đã muộn nên đã vào nhà nghỉ ngủ lại. Đến sáng ngày 17/9/2022, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên B nảy sinh ý định cầm xe mô tô của anh S, B điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Q, địa chỉ: T1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do ông Phan Văn T làm chủ. B nói với ông T, mua chiếc xe trên của anh Voòng Vĩnh S nhưng chưa làm thủ tục sang tên, do đăng ký xe mô tô BKS 47H1-351.xx mang tên Voòng Vĩnh S, đồng thời B đưa cho ông T 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn B để làm tin. Sau khi thống nhất, ông T cho B cầm cố xe này với số tiền 18.000.000 đồng, hợp đồng cầm cố từ ngày 17/9/2022 đến ngày 17/10/2022, nội dung hợp đồng thể hiện "*quá ngày hạn luật định. Nếu chủ hiện vật không đến dịch vụ để thanh toán thì dịch vụ được quyền phát mãi số hiện vật. Mà không cần sự đồng ý, hoặc có mặt của chủ hiện vật*". Sau khi lấy tiền, B đón xe ô tô khách đến tỉnh Bình Dương và tiêu xài hết số tiền cầm cố. Đến khoảng 19 giờ ngày 16/9/2022 không thấy B trả xe, gọi điện thoại cho B không được nên anh S đến nhà anh H (*chú ruột của B*) tìm B nhưng không thấy, tiếp tục đến nhà B tại T2, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông gặp em gái B nói không thấy B về nhà, anh S tiếp tục tìm kiếm và gọi điện thoại cho B nhưng không liên lạc được, đến 14 giờ ngày 17/9/2022 anh S đến Công an xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trình báo vụ việc.

Ngày 17/9/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song tạm giữ 01 xe mô tô BKS 47H1- 351.xx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008687 đều mang tên Voòng Vĩnh S, 01 căn cước công dân số 067093000816 mang tên Phạm Văn B.

Ngày 03/10/2022 Phạm Văn B được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song triệu tập làm việc và đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, B thừa nhận không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên bị đau chân nên không có khả năng lao động, không có tài sản nên không có điều kiện trả số tiền 18.000.000 đồng để chuộc xe mô tô BKS 47H1-351.xx trả lại cho anh S.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 46/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Song kết luận giá trị tính thành tiền còn lại của xe mô tô BKS 47H1- 351.xx tại thời điểm ngày 16/9/2022 là 30.000.000 đồng (BL 32-34).

Tại bản cáo trạng số 03/CTr-VKS ngày 11/01/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn B về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/11/2022.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: chấp nhận cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã trả lại 01 mô tô BKS 47H1-351.xx, số máy JF51E0315436, số khung 5126FY108231, nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu trắng – nâu; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008687 mang BKS 47H1- 351.xx tên Voòng Vĩnh S là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại 01 căn cước công dân số 067093000816 cho Phạm Văn B .

Về việc bồi thường thiệt hại: Bị hại Voòng Vĩnh S không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập vấn đề giải quyết.

Ông Phan Văn T yêu cầu bị cáo Phạm Văn B trả lại số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*)

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại trình bày trong các biên bản ghi lời khai yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 18.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/9/2022 Phạm Văn B mượn xe mô tô BKS 47H1- 351.xx nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu trắng - nâu của anh Voòng Vĩnh S đi công việc. Sau khi mượn được xe đến sáng ngày 17/9/2022, B nảy sinh ý định cầm xe mô tô để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Q, địa chỉ: T1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do ông Phan Văn T làm chủ, cầm cố xe mô tô với số tiền 18.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng trả số tiền trên để lấy xe. Theo kết quả định giá tài sản thì giá tiền tài sản B chiếm đoạt có giá trị là 30.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của BLHS:

Tại Điều 175 BLHS quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

..."

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm đến tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ nhận thức để nhận biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì ý thức lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, tại thời điểm đặt vấn đề mượn xe giữa bị cáo và bị hại là bạn thân nên tin tưởng, hứa hẹn cho mượn đi xong công việc về trả lại. Do đó, bị hại đã giao xe và để lại giấy tờ liên quan. Tuy nhiên, do không có tiền để đi khám chữa bệnh , bị cáo đã nảy sinh ý định cầm cố xe, lừa dối ông T là xe đã mua chưa sang tên, do là chỗ người cùng quê nên ông T đồng ý cho cầm cố và nợ thủ tục. Sau khi nhận được tiền từ ông T, bị cáo đã tắt điện thoại và bỏ đi Bình Dương,

anh S không liên lạc được nên đã báo Công an. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Song, B trình bày số tiền cầm cố xe đã tiêu xài cá nhân hết và hiện nay không có khả năng trả lại tiền cho ông T để lấy xe. Vì vậy, việc truy tố bị cáo xét xử theo điểm b khoản 1 Điều 175 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội, HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không có tiền án, nhưng có nhân thân xấu nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo chưa được xóa tiền sự đã phạm tội mới. Tuy nhiên, bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng, bị cáo bị gãy xương tác động nhiều vùng của một chi dưới đã phẫu thuật hiện nay cần kiểm tra, tái khám. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy giảm phần nào khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nên HĐXX không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với ông Phan Văn T là chủ tiệm cầm đồ Q cho bị cáo B cầm cố xe mô tô BKS. 47H1- 351.xx nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu trắng-nâu của anh Voòng Vĩnh S, khi nhận cầm cố bị cáo cho rằng xe đã mua chưa sang tên, có giấy đăng ký mô tô nên ông T không biết chiếc xe này là tài sản của người khác mà B mang đi cầm cố nên không đặt vấn đề xử lý hình sự.

Về hành vi của ông Phan Văn T "*Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố*". Ngày 23/12/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Xét việc xử phạt này là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận Cơ quan CSĐTCông an huyện Đắk Song đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 mô tô BKS 47H1- 351.xx, số máy JF51E0315436, số khung 5126FY108231, nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu trắng – nâu; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008687 mang BKS 47H1- 351.xx tên Voòng Vĩnh S là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại 01 căn cước công dân số 067093000816 cho Phạm Văn B.

[7] Về việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS:

Bị hại Voòng Vĩnh S không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập vấn đề giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn T yêu cầu bị cáo Phạm Văn B trả lại số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*), xét việc ông T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này là phù hợp nên chấp nhận.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS:

Xử phạt Phạm Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/11/2022.

3. Việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS:

Bị hại Voòng Vĩnh S không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc bị cáo Phạm Văn B trả lại số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) cho ông Phan Văn T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật dân sự (BLDS); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS):

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 mô tô BKS 47H1- 351.xx, số máy JF51E0315436, số khung 5126FY108231, nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu trắng – nâu; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008687 mang BKS 47H1- 351.xx tên Voòng Vĩnh S là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại 01 căn cước công dân số 067093000816 cho Phạm Văn B.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sự sơ thẩm và 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) án phí DSST.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng VP06 CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ
- Lưu HSVA.